

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với**  
**nước thải áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 23/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật; số 30/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 23/2007/TT-BKHCN;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 45/TTr-STNMT ngày 30/01/2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2018.

Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tư pháp, Y tế, Công thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công an tỉnh; Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Nường**

**QUY CHUẨN  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI ÁP DỤNG TRÊN  
ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của  
UBND tỉnh)

**I. Quy định chung**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp khi thải ra môi trường. Không áp dụng quy chuẩn này đối với nước thải sinh hoạt thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh liên quan đến hoạt động xả nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp ra nguồn tiếp nhận nước thải.

**3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chuẩn này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Nước thải sinh hoạt*: Là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân.

b) *Nước thải công nghiệp*: Là nước thải phát sinh từ quá trình công nghệ của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp), từ nhà máy xử lý nước thải tập trung có đầu nổi nước thải của cơ sở công nghiệp.

c) *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Là nguồn nước mặt (sông, suối, khe, rạch, kênh, mương, hồ, ao, đầm), nguồn nước ngầm, môi trường đất hoặc hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư.

**II. Quy định kỹ thuật**

**1. Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt**

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được áp dụng theo đúng cột A của QCVN 14:2008/BTNMT, cụ thể:



STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )(tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000

Các tổ chức, cá nhân trước khi xả nước thải sinh hoạt ra nguồn tiếp nhận nước thải phải xử lý nước thải đạt giá trị trên.

Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trong khu đô thị, khu dân cư có Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung phải xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Nhà máy xử lý.

Các nội dung khác như phương pháp xác định, hệ số K (hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư) được áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT.

## 2. Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải ra nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được áp dụng theo đúng cột A của QCVN 40:2011/BTNMT, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD <sub>5</sub> (20oC)	mg/l	30
5	COD	mg/l	75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50

7	Asen	mg/l	0,05
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Tổng xianua	mg/l	0,07
19	Tổng phenol	mg/l	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoán g	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
24	Tổng nitơ	mg/l	20
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4
26	Clorua	mg/l	500
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3
30	Tổng PCB	mg/l	0,003
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0

Các tổ chức, cá nhân trước khi xả nước thải công nghiệp ra nguồn tiếp nhận nước thải phải xử lý nước thải đạt giá trị trên.

Các đơn vị xây dựng, kinh doanh và vận hành hạ tầng các KCN, CCN phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo nước thải sau

xử lý đạt giá trị trên và ban hành tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KCN, CCN.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải xử lý nước thải đảm bảo theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của đơn vị quản lý vận hành hạ tầng KCN, CCN.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN, CCN không có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải xử lý nước thải đạt giá trị trên.

Đối với nước thải công nghiệp của một số ngành đặc thù trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được áp dụng theo cột A của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia riêng, cụ thể:

- Nước thải giấy, bột giấy (QCVN 12:2015/BTNMT)
- Nước thải chế biến thủy sản (QCVN 11:2015/BTNMT)
- Nước thải công nghiệp dệt nhuộm (QCVN 13:2008/BTNMT)
- Nước thải công nghiệp sản xuất thép (QCVN 52:2013/BTNMT)
- Nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn (QCVN 25:2009/BTNMT)
- Nước thải chăn nuôi (QCVN 62:2016/BTNMT)

Các nội dung khác như phương pháp xác định, hệ số K (hệ số lưu lượng dòng chảy, lưu lượng nguồn thải) được áp dụng theo QCVN 40:2011/BTNMT.

### III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng triển khai việc áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Trong trường hợp các Quy chuẩn quốc gia viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn mới.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xả nước thải nghiêm túc thực hiện Quy chuẩn này. /*ng*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Như